

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 11 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nhâm

Ông Nguyễn Thanh Tiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 495/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 19/10/2020.

Bị đơn: Bà Quách Thị X, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bà X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 02/10/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Quách Thị X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống ông và bà X phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm, đã không còn chung sống với nhau vào năm 2019. Nay ông H xác định không còn tình cảm với bà X, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Ông H xác định trong thời gian chung sống ông và bà X có một con chung tên Phan Công Đ, sinh ngày 06/4/1999, anh Đ hiện nay đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định trong thời gian chung sống ông và bà X không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Quách Thị X trình bày: Bà đồng ý lời trình bày của ông H về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do trong thời gian chung sống với ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nay cũng không còn tình cảm với ông H, ông H yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn. Về con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Văn H với bà Quách Thị X. Về con chung: Ông H và bà X có một con chung tên Phan Công Đ, sinh ngày 06/4/1999, anh Đ hiện nay đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, ông H và bà X không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung ông H và bà X xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Văn H yêu cầu ly hôn với bà Quách Thị X, bà X cư trú tại ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Phan Văn H và bà Quách Thị X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà X theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H yêu cầu ly hôn với bà Quách Thị X, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H và bà X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống ông H và bà X phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đã chấm dứt việc chung sống vào năm 2019. Nay ông H xác định không còn tình cảm với bà X nên yêu cầu ly hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*

Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”*

Căn cứ vào quy định pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đối với bà X, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Văn H với bà Quách Thị X.

[4] Về con chung: Ông H và bà X xác định trong thời gian chung sống ông, bà có một con chung tên Phan Công Đ, sinh ngày 06/4/1999, anh Đ hiện đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà X xác định trong thời gian chung sống ông, bà không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Phan Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Văn H với bà Quách Thị X.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Phan Văn H phải chịu. Ông H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007900 ngày 02/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, ông Phan Văn H và bà Quách Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni

